

Số: 17/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 481/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị X**, sinh năm 2000;

Số căn cước: 019 300 002 261, cấp ngày 08/4/2025. Địa chỉ: Xóm T, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1981;

Số căn cước: 019 081 004 062, cấp ngày 07/9/2021. Địa chỉ: Xóm T, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 29 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Văn H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự xác định có hai con chung tên là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/02/2019 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 30/7/2020. Các đương sự thoả thuận sau khi ly hôn anh H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Bảo L và Nguyễn Thu T, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Trần Thị X tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước; hoàn trả chị X 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002833 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND KV1- TN;
- Phòng THADS KV1 - TN;
- UBND xã Phú Bình, TN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn